

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 26 – 01 – 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Cán bộ hưu trí huyện Tam Bình.
- Ông Nguyễn Thành Luân – Nguyên bí thư Huyện đoàn huyện Tam Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Minh N, sinh năm 1992 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến Q và bà Trần Thị Kim L.

Tiền án: 03 tiền án.

- Ngày 16/01/2015 bị Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xử 01 năm 01 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị can chấp hành xong hình phạt vào ngày 16/11/2015.

- Ngày 14/11/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử 01 năm 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị can chấp hành xong hình phạt vào ngày 12/02/2018.

- Ngày 02/4/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử 04 năm tù về tội gây rối trật tự công cộng, bị can chấp hành xong hình phạt vào ngày 19/8/2022.

Tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 19/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 27/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng, theo Quyết định số 06/2018/QĐ-TA.

- Ngày 06/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã ra Quyết định khởi tố bị can về hành vi Cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 1 điều 134 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 15/7/2023 đến nay – có mặt tại phiên tòa.

2/ Lê Tuấn L1, sinh ngày 15/02/2006 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tuấn T và bà Trịnh Thị Kim H.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 15/7/2023 đến nay – có mặt tại phiên tòa.

- *Đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Tuấn L1*: Bà Trịnh Thị Kim H, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số A L, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Tuấn L1*: Ông Nguyễn Đức D, trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh V; địa chỉ: Số A N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị hại*:

1/ Anh Huỳnh Tấn H1, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3/ Chị Lê Thị Kim T2, sinh ngày 17/12/2006 (có mặt)

Đại diện hợp pháp của chị Lê Thị Kim T2: Chị Nguyễn Thị Hồng H2, sinh năm 1988; cùng nơi cư trú: Tổ C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

4/ Ông Huỳnh Hữu C, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1/ Bà Lê Thị Kiều P, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2/ Chị Nguyễn Hoàng Ngọc T3, sinh ngày 24/02/2009; (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Hoàng Ngọc T3: Ông Nguyễn Quốc T4, sinh năm 1977; cùng nơi cư trú: Số A, Khóm D, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

3/ Ông Nguyễn Quốc T4, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số A Khóm D, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

4/ Ông Trần Quốc H3, sinh năm 1981; nơi cư trú: Khóm B, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh N thuê nhà trọ tại tổ A, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long ở cùng với Lê Tuấn L1, Lê Thị Kiều P là bạn gái của N và Nguyễn Hoàng Ngọc T3 là bạn gái của L1.

Khoảng 23 giờ ngày 10/7/2023, N rủ L1 đi tìm tài sản của người dân để lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài thì L1 đồng ý. L1 mượn xe mô tô biển kiểm soát 66S1-544.65 của T3 điều khiển chở N ngồi sau chạy trên Quốc lộ E hướng ra thị xã B rồi ra Quốc lộ A đến đường P - B thì rẽ về hướng xã P, huyện T. Khi chạy ngang nhà bà Phan Thị Diễm T5, sinh năm 1973, ngụ ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì N thấy nhà bà T5 còn mở cửa và đèn sáng nên N kêu L1 dừng xe trước cửa rào cho N lại cửa rào nhìn vào xem thì không thấy người và cửa rào chỉ khép mà không khóa. Nhặt mở cửa rào đi vào nhà thì phát hiện trên bàn giữa nhà có 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y21 và 01 máy Laptop nhãn hiệu HP nên N lấy và đi ra giao cho L1 đang đợi ở trước cửa rào. Khi quay ra thì N thấy xe mô tô hiệu Vario 125 màu xanh, biển số kiểm soát 64D1-560.68 có sẵn chìa khóa trên xe nên N khi giao điện thoại và L2 cho L1 thì N quay vào dẫn xe Vario ra cửa ra rồi mở khóa để xe chạy theo đường cũ để đi thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Khi đi ngang nhà trọ của N thì N đi vào nhà trọ tháo biển số xe hiệu Sirius có tại nhà trọ (không nhớ biển số) rồi cả 02 chạy xe đến quán cà phê vắng ở gần nhà trọ của N. Nhặt tháo biển số 64D1-560.68 của xe V ra và gắn biển số xe Sirius vào thay. Đến khoảng 06 giờ ngày 11/7/2023 thì cả 02 lên đến thành phố S và cầm xe Vario cho Trần Quốc H3 được được số tiền 7.000.000 đồng chia nhau tiêu xài cá nhân. Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 11/7/2023 bà T5 phát hiện tài sản bị mất trộm nên trình báo Công an xã P. Tài sản bị mất trộm là tài sản của anh Huỳnh Tấn H1 sinh năm 1996 là con của bà T5.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL.ĐGTS ngày 18/7/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 Laptop nhãn hiệu HP đã qua sử dụng có giá là 4.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y21 màu xanh đã qua sử dụng có giá là 2.100.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Vario 125 biển số kiểm soát 64D1-560.68, đã qua sử dụng có giá là 28.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị mất trộm vào ngày 11/7/2023 là 34.100.000 đồng.

Khoảng 00 giờ ngày 15/7/2023, L1 mượn xe mô tô biển kiểm soát 66S1-544.65 của T3 điều khiển chở N ngồi sau đi về huyện T, tỉnh Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến địa phận thuộc ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì N kêu L1 dừng xe cho N xuống tìm nhà dân có tài sản để đột nhập vào lấy trộm nhưng chưa vào được nhà dân thì nghe tiếng Lợi la lớn “Làm gì bắt tôi” thì N liền vào nhà vệ sinh của một nhà dân không khóa cửa rào lẫn trốn. Đến khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày thì người dân của nhà này thức dậy đi vệ sinh, N hoảng hốt mở cửa chạy thì bị người dân giữ lại giao N và L1 cho Công an xã M.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn xác định được trước đó bị can N và L1 còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 30/6/2023, N rủ L1 đi tìm tài sản của người dân để lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài thì L1 đồng ý. N điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 66S1-544.65 mượn của T3 chở L1 ngồi sau đi theo các tuyến đường lộ thuộc huyện B, tỉnh Vĩnh Long để đột nhập vào nhà người dân trộm cắp tài sản. Khi đi ngang nhà bà Nguyễn Thị T1 sinh năm 1975, ngụ ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì N thấy nhà không có khóa cửa nên dừng xe rồi N đột nhập vào nhà tìm tài sản lấy trộm, còn L1 ở lại giữ xe và canh đường. N vào nhà rồi đi vào phòng ngủ thấy bà T1 và chị Lê Thị Kim T2 sinh năm 2006 là con gái bà T1 đang nằm ngủ, bên trong mùng phía trên đầu nằm có 03 điện thoại di động (gồm 01 điện thoại hiệu OPPO A31 màu xanh trắng và 01 điện thoại hiệu VIVO Y91C màu xanh đen của bà T1; 01 điện thoại hiệu IPHONE 8 Plus màu vàng gold của chị T2) nên N lấy trộm 03 điện thoại này rồi ra xe cùng L1 đi về nhà trọ. Sau đó, N đến cửa hàng điện thoại thuộc khu vực thành phố Cần Thơ bán điện thoại di động hiệu IPHONE 8 Plus được 1.800.000 đồng, số tiền này N tiêu xài cá nhân hết, riêng 02 điện thoại còn lại N cất giấu ở nhà trọ. Sau khi phát hiện bị mất trộm điện thoại, ngày 18/7/2023 chị T2 đến Công an xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long trình báo sự việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL.ĐGTS ngày 24/7/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 đã qua sử dụng có giá 1.900.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y91C đã qua sử dụng có giá là 1.400.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 8 Plus đã qua sử dụng có giá là 2.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị mất trộm tại thời điểm ngày 30/6/2023 là 5.800.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ ngày 02/7/2023, N điều khiển xe mô tô biển số 66S1-544.65 chở L1 đi theo các tuyến lộ thuộc huyện B, tỉnh Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà đang xây dựng của anh Nguyễn Văn S sinh năm 1980 ngụ ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì N dừng xe lại. L1 ở lại giữ xe và canh đường, còn N thì đi bộ vào nhà bằng cửa sau (do nhà đang xây dựng nên không có cửa nhà) rồi đi đến giường ngủ thì thấy anh Huỳnh Hữu C là anh rể của S đang nằm ngủ và có để 01 điện thoại di động hiệu OPPO A57 màu trắng đen trong mùng. N dùng lưỡi lam rạch mùng lấy trộm điện thoại của anh C

rời ra ngoài cùng L1 đi về nhà trọ. Sau đó, N đưa điện thoại lấy trộm của anh C cho L1 sử dụng. Đến ngày 26/7/2023, anh C đến Công an xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long trình báo sự việc.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 24/KL.ĐGTS ngày 27/7/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A57 đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 02/7/2023 có giá là 500.000 đồng.

Ngày 01/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Minh N và Lê Tuấn L1 về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Ngày 25/8/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân ra quyết định chuyển vụ án hình sự số 63 ngày 01/8/2023, chuyển vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để nhập vụ án hình sự giải quyết theo thủ tục chung.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future, biển số kiểm soát 66S1-544.65 màu trắng đen do ông Nguyễn Quốc T4 đứng tên giấy đăng ký xe;
- 01 cây kéo cắt sắt màu xanh bạc, có số trên thân kéo là 450, 18”;
- 01 cây kéo cắt, trên tay cầm có chữ TOTAL và số 7”;
- 01 cây xà ben có một đầu đẹp; một đầu móc; dài 50 cm;
- 01 xe mô tô hiệu VARIO màu xanh đen, biển số kiểm soát 64D1-560.68;
- 02 đoạn dây dù;
- 01 Laptop HP;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21;
- 01 máy điện thoại nhãn hiệu OPPO A31 màu xanh trắng không có gắn sim;
- 01 sim số 0349975886;
- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A57.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho các chủ sở hữu gồm:

- 01 xe mô tô hiệu VARIO màu xanh đen, biển số 64D1- 560.68; 01 Laptop HP và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21 cho anh Huỳnh Tấn H1.
- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại FUTURE, biển số 66S1-544.65 màu trắng đen cho ông Nguyễn Quốc T4.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu xanh trắng không có gắn sim và 01 sim số 0349975886 cho bà Nguyễn Thị T1.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A57 cho anh Huỳnh Hữu C.

Còn lại:

- 01 cây kéo cắt sắt màu xanh bạc, có số trên thân kéo là 450, 18”;

- 01 cây kéo cắt, trên tay cầm có chữ TOTAL và số 7”;

- 01 cây xà ben có một đầu dẹp; một đầu móc; dài 50 cm;

- 02 đoạn dây dù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Huỳnh Tấn H1 và anh Huỳnh Hữu C đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

- Bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 1.400.000 đồng.

- Chị Lê Thị Kim T2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 2.500.000 đồng.

- Anh Trần Quốc H3 không yêu cầu Nguyễn Minh N trả lại số tiền 7.000.000 đồng là tiền anh H3 cầm xe VARIO màu xanh đen biển số 64D1-560.68 cho N.

Tại Cáo trạng số: 01/CT-VKSTB ngày 05/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Lê Tuấn L1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Minh N, Lê Tuấn L1 thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố các bị cáo là đúng hành vi, không oan, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đối với vụ trộm cắp tài sản ngày 15/7/2023, do bị cáo N và L1 chỉ đột nhập vào nhà và chưa thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

Đối với Lê Thị Kiều P và Nguyễn Hoàng Ngọc T3 không biết các bị cáo N và L1 trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

Đối với Trần Quốc H3 có nhận cầm xe mô tô nhãn hiệu VARIO màu xanh đen biển số 64D1- 560.68 nhưng anh H3 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Minh N, Lê Tuấn L1 về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi

phạm tội, nhân thân các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh N, Lê Tuấn L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N mức án từ 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Tuấn L1 mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Công nhận sự tự nguyện của bị cáo N, L1 đồng ý bồi thường cho bị hại Lê Thị Kim T2 có chị Nguyễn Thị Hồng H2 đại diện hợp pháp số tiền 2.500.000 đồng, bị hại Nguyễn Thị T1 số tiền 1.400.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo cắt sắt màu xanh bạc, có số trên thân kéo là 450, 18”; 01 cây kéo cắt, trên tay cầm có chữ TOTAL và số 7”; 01 cây xà ben có một đầu dẹp; một đầu móc; dài 50 cm; 02 đoạn dây dù.

Buộc các bị cáo N, L1 nộp lại số tiền thu nhập bất chính là 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Ông Nguyễn Đức D bào chữa cho bị cáo Lê Tuấn L1 trình bày quan điểm bảo vệ: Thống nhất tội danh và Điều luật Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên cần xem xét các tình tiết: Gia đình bị cáo có nhiều khó khăn, thu nhập không ổn định, bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, chỉ giữ vai trò giúp sức, cảnh giới, có vai trò không đáng kể trong vụ án; bị cáo có trình độ học vấn thấp; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện của các bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại Lê Thị Kim T2 số tiền 2.500.000 đồng, bị hại Nguyễn Thị T1 số tiền 1.400.000 đồng. Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo L1 mức án 06 (Sáu) tháng tù cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can, biên bản hiện trường cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 30/6/2023 đến ngày 10/7/2023 các bị cáo Nguyễn Minh N và Lê Tuấn L1 đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

- Khoảng 01 giờ ngày 30/6/2023 tại ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, các bị cáo Nguyễn Minh N và Lê Tuấn L1 đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại hiệu OPPO A31 màu xanh trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y91C màu xanh đen của bà Nguyễn Thị T1 và 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 8 Plus màu vàng gold của chị Lê Thị Kim T2 có tổng giá trị là 5.800.000 đồng.

- Khoảng 00 giờ ngày 02/7/2023 tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long các bị cáo Nguyễn Minh N và Lê Tuấn L1 đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu trắng đen có giá trị là 500.000 đồng của ông Huỳnh Hữu C.

- Khoảng 23 giờ ngày 10/7/2023 tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, các bị cáo Nguyễn Minh N và Lê Tuấn L1 đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 Laptop nhãn hiệu HP, 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh và 01 xe mô tô hiệu Vario 125 biển số 64D1-560.68 có tổng giá trị là 34.100.000 đồng (ba mươi bốn triệu một trăm ngàn đồng) của anh Huỳnh Tấn H1.

Tổng tài sản mà các bị cáo Nguyễn Minh N và Lê Tuấn L1 đã lấy trộm là 40.400.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, hành vi bị cáo Lê Tuấn L1 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân các bị cáo là thanh niên có sức khỏe lại không chịu chí thú làm ăn. Các bị cáo với thái độ thích thụ hưởng, lười lao động để có tiền phục vụ tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người

khác. Bị cáo N có nhân thân xấu. Do đó, cần xử lý các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và ngăn chặn những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

Trong vụ án hai bị cáo cùng thực hiện, trong đó bị cáo Nguyễn Minh N là người chủ động rủ và cũng chính là người thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L1 phạm tội với vai trò đồng phạm là người cùng thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giữa các bị cáo N và L1 không có sự câu kết chặt chẽ trước khi thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[2.3.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo N còn phải chịu thêm tình tiết xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

[2.3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội nhưng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo L1 được hưởng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo N, L1 đồng ý liên đới bồi thường cho bị hại Lê Thị Kim T2 số tiền 2.500.000 đồng, bị hại Nguyễn Thị T1 số tiền 1.400.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo nên cần công nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Lê Tuấn L1 là người dưới 18 tuổi bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì mẹ ruột bị cáo là bà Trịnh Thị Kim H phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Ông Trần Quốc H3 không yêu cầu Nguyễn Minh N trả lại số tiền 7.000.000 đồng là tiền ông H3 cầm xe VARIO màu xanh đen biển số 64D1-560.68 cho N.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoảng thời gian chưa thi hành án xong.

[2.5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo cắt sắt màu xanh bạc, có số trên thân kéo là 450, 18”, đã qua sử dụng; 01 cây kéo cắt, trên

tay cầm có chữ TOTAL và số 7", đã qua sử dụng; 01 cây xà ben có một đầu đẹp; một đầu móc; dài 50 cm, đã qua sử dụng; 02 đoạn dây dù đã qua sử dụng.

Ông Trần Quốc H3 không yêu cầu Nguyễn Minh N trả lại số tiền 7.000.000 đồng là tiền ông H3 cầm xe VARIO màu xanh đen biển số 64D1-560.68 cho N. Tuy nhiên số tiền này các bị cáo N, L1 đã tiêu xài cá nhân hết, đây là số tiền các bị cáo thu nhập bất chính nên cần buộc các bị cáo N, L1 liên đới nộp lại số tiền 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo sử dụng chung số tiền không xác định được mỗi người sử dụng bao nhiêu nên cần xác định mỗi bị cáo có trách nhiệm nộp lại 50% bằng số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

[2.6] Xét lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận một phần.

3. Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2023.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

2.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Tuấn L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Tuấn L1 01 (Một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Các bị hại anh Huỳnh Tấn H1 và ông Huỳnh Hữu C đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

- Công nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Minh N, Lê Tuấn L1 đồng ý liên đới bồi thường cho bị hại Lê Thị Kim T2 có chị Nguyễn Thị Hồng H2 đại

diện hợp pháp số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng), bị hại Nguyễn Thị T1 số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Lê Tuấn L1 bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì mẹ ruột bị cáo là bà Trịnh Thị Kim H phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

- Ông Trần Quốc H3 không yêu cầu Nguyễn Minh N trả lại số tiền 7.000.000 đồng là tiền ông H3 cầm xe VARIO màu xanh đen biển số 64D1-560.68 cho N nên không đặt ra xem xét.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo cắt sắt màu xanh bạc, có số trên thân kéo là 450, 18”, đã qua sử dụng; 01 cây kéo cắt, trên tay cầm có chữ TOTAL và số 7”, đã qua sử dụng; 01 cây xà ben có một đầu đẹp; một đầu móc; dài 50 cm, đã qua sử dụng; 02 đoạn dây dù đã qua sử dụng.

Hiện vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình theo biên bản giao nhận vật chứng vụ án ngày 11/10/2023.

- Buộc các bị cáo N, L1 liên đới nộp lại số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước. Trong đó mỗi bị cáo nộp số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1 Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Minh N, Lê Tuấn L1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5.2 Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Minh N, Lê Tuấn L1, mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Long Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- UBND Phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo